



# MARKET INSIGHTS REPORTS

19.06.2024

VRE THIẾT LẬP ĐÁY MỚI TRONG 52 TUẦN



# NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT  
*VN-Index đang gặp áp lực bán mạnh*
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY  
*Tình hình xuất khẩu phân bón*
- 10** TTCK MỸ  
*Dự báo các chỉ số sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.*

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	501
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	184
Số cổ phiếu giảm giá	246
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	71

### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	245
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	86
Số cổ phiếu giảm giá	94
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	65

### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	381
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	163
Số cổ phiếu giảm giá	136
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	82

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	45,680.55	92,735.92	(47,055.37)
% KL toàn thị trường	4.55%	9.23%	
Giá trị	1,448,220	2,971,776	(1,523,555)
% GT toàn thị trường	5.58%	11.44%	

### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,674.60	2,332.39	(657.79)
% KL toàn thị trường	4.55%	9.23%	
Giá trị	58,311	63,629	(5,318)
% GT toàn thị trường	4.07%	4.44%	

### UPCOM

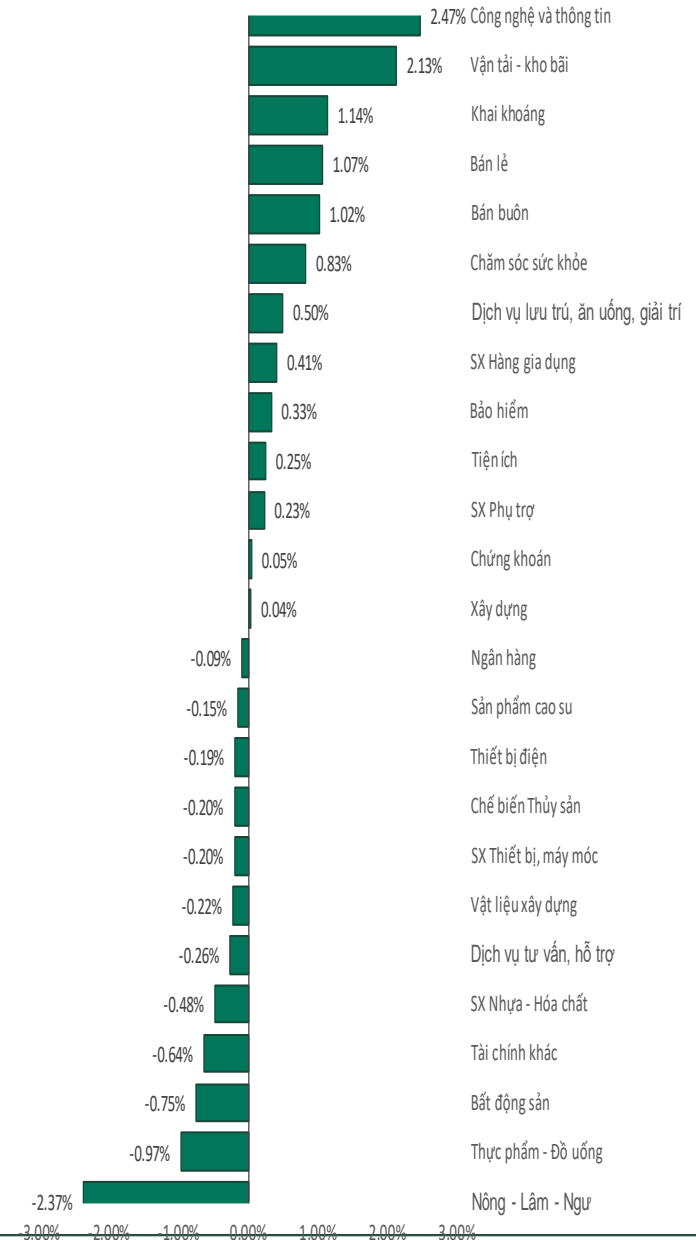
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	748.80	409.60	339.20
% KL toàn thị trường	1.14%	0.62%	
Giá trị	74,664	33,051	41,613
% GT toàn thị trường	5.12%	2.27%	

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

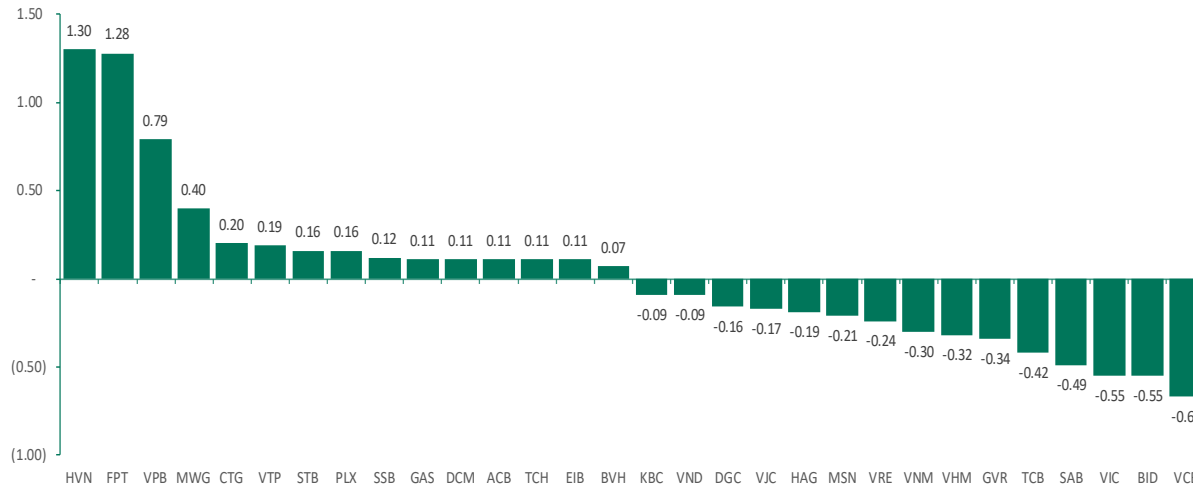
## TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	2,174,300	86,600	-500 (-0.57%)	14.01	2.79	6,180	484,015
2	BID	2,599,500	46,100	-400 (-0.86%)	11.05	2.04	4,171	262,790
3	FPT	9,669,200	131,500	3,500 (2.73%)	23.73	5.26	5,541	192,049
4	HPG	19,178,300	29,350	-50 (-0.17%)	18.33	1.62	1,601	187,730
5	GAS	994,100	78,200	200 (0.26%)	15.25	2.65	5,127	179,605
6	CTG	6,704,200	32,500	150 (0.46%)	8.01	1.34	4,056	174,525
7	TCB	17,027,300	48,300	-500 (-1.02%)	8.62	1.23	5,606	170,137
8	VHM	7,996,800	38,000	-300 (-0.78%)	7.48	0.84	5,081	165,466
9	VIC	3,271,200	41,500	-600 (-1.43%)	17.94	1.01	2,313	158,682
10	VPB	51,393,800	19,000	400 (2.15%)	12.41	1.05	1,531	150,745

## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH



## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng tăng 0.29 điểm (+ 0.02%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Công nghệ thông tin, vận tải kho bãi, khai khoáng, bán lẻ, bán buôn, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, sản xuất hàng gia dụng, bảo hiểm, tiện ích, sản xuất phụ trợ, chứng khoán, xây dựng ... là nhóm ngành tăng giá nhiều nhất trong ngày.** Đã tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như FPT, CMG, CTR, HVN, VTP, PVD, PVB, KSV, MWG, PNJ, FRT, PLX, DGW, SMC, IMP, TNH, NVT, TCM, STK, GIL, BVH, MIG, BMI, GAS, POW, ACG, DHC, SSI, VCI, HCM, CTS, VDS, PCI, CTD ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VTP tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 98 – Theo mô hình hai đỉnh;
- ✓ Chúng tôi ước tính lợi nhuận của VTP trong Q2/2024 vào khoảng 90 tỷ đồng. Về cơ bản ở vùng định giá hiện tại với P/E quanh 30 chúng tôi thấy VTP đang được định giá quá cao;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(ii) TNH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Near Doji”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang đang trong sóng 3 tăng giá với mục tiêu 26;
- ✓ Sóng 4 giảm giá có hỗ trợ là 23;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(iii) CTD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá đang nỗ lực thiết lập mốc cao mới trong 52 tuần;
- ✓ Ước tính trong giai đoạn từ tháng 3 đến tháng 5/2024, Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons (mã cổ phiếu CTD) có thể đã ký thêm được 5.000 tỷ đồng backlog, nâng tổng giá trị backlog năm tài chính 2024 lên hơn 20.000 tỷ đồng là tin tức hỗ trợ đà tăng giá của CTD;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iv) VCI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;

- ✓ Giá đang trong vùng đi ngang với hỗ trợ là 46 và kháng cự là 51;
- ✓ Chúng ta đang thấy mô hình hai đỉnh ngắn hạn – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(v) PCI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vận động theo mô hình vai đầu vai với kháng cự đường viền là 30;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 53%;

(vi) PNJ tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình vận động tam giác với kháng cự 98 và hỗ trợ là 93;
- ✓ Chúng ta nên chờ Break Down hoặc Break out để xác nhận mô hình;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

**(2) Nông lâm ngư, thực phẩm đồ uống, bất động sản, tài chính khác, sản xuất nhựa hóa chất... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đã giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như HAG, VNM, MSN, SAB, VHM, VIC, VRE, NVL, DIG, KBC, CEO, IPA, OGC, TVC, GVR, DGC, PHR... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VRE giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu thiết lập mốc thấp trong 52 tuần – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 5 giảm giá với giá mục tiêu vùng 16 – 19;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(ii) VHM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá bám biên dải băng dưới – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Giá đang có nguy cơ thiết lập mốc đáy mới trong 52 tuần – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Giá trong sóng 5 giảm giá với mục tiêu 28;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

# PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: VN-Index đang gặp áp lực bán mạnh

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng – Tuy nhiên, độ rộng thị trường hôm nay không cho thấy tín hiệu này có sự đồng thuận tích cực và đặc biệt nhiều mã cổ phiếu bị bán mạnh vào cuối giờ.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 1,483 tỷ đồng. Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: HAH, MWG, VTP, MCH, PC1, CTR, CTD, DCM, E1VFMVN30, FUESSVFL ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, VPB, DGC, VNM, MWG, HPG, VNM, VPB, VHM, VND, VCB, FUEVFNND, TCB, HPG, VIC ... Lũy kế từ đầu năm tới nay, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng khoảng 45 nghìn tỷ đồng và dường như họ đang hướng tới một năm bán ròng kỷ lục trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Lượng bán tập trung vào các mã VNM, VIC, FPT, VNM chiếm hơn khoảng ½ số lượng bán ròng. Tuy nhiên, về cơ bản với quy mô giao dịch hiện tại, ảnh hưởng của nhà đầu tư nước ngoài đang giảm dần và cầu nội vẫn đóng vai trò là người dẫn dắt đã tăng hay giảm điểm của thị trường.

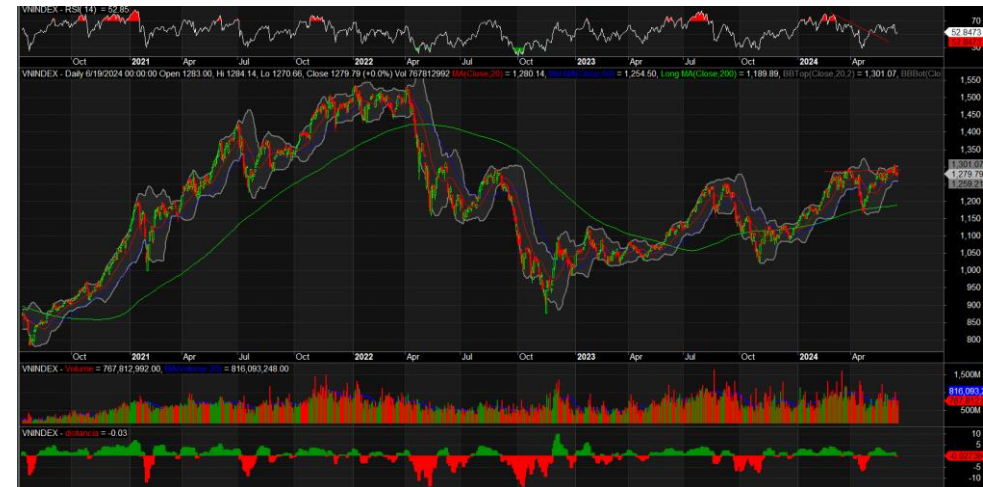
(ii) VN-Index sau khi thiết lập một Break out và vượt kháng cự 1,300 không có khối lượng chỉ số đã quay đầu giảm điểm trở lại. Tín hiệu này không thể coi là tích cực vì nó tạo ra nguy cơ việc vượt 1,300 điểm có thể sẽ là Failure Break out. Do vậy, chúng ta cần chỉ số vẫn duy trì vùng hỗ trợ 1,250 điểm để tránh rơi vào kiểu mô hình hai đỉnh. Điểm quan trọng quá trình đi xuống không nên xuất hiện các đợt bán với khối lượng tăng cao. Hiện tại có vẻ điều này đang xuất hiện và thị trường vẫn tạo sự phân hóa tích cực.

(iii) Vòng quay rủi ro vẫn tiếp tục nhưng dòng tiền có vẻ đang chỉ tập trung ở nhóm đã tăng giá mạnh như HVN, VGI, FPT... Độ rộng giao dịch đang có dấu hiệu thu hẹp lại. Đây có thể là một rủi ro tiềm ẩn nếu chúng ta không có sự lan tỏa sang nhóm ngành khác bởi chúng ta đang xuất hiện phân kỳ độ rộng thị trường. Ngoài ra, việc VHC, ANV, GEX... giao dịch tích cực nhưng đóng cửa lại không như kỳ vọng cũng là một điểm trừ của thị trường. Chúng tôi đang nhận thấy có những phản ứng tăng giá 1 phiên như trường hợp của DGC nghĩa là thị trường chưa tạo được sự xoay tua tăng giá. Do vậy, điều quan trọng trong ngắn hạn có lẽ chúng ta nên thận trọng quan sát trước khi tham gia các cuộc đua giá bởi áp lực cung giá cao đang làm át sức cầu.

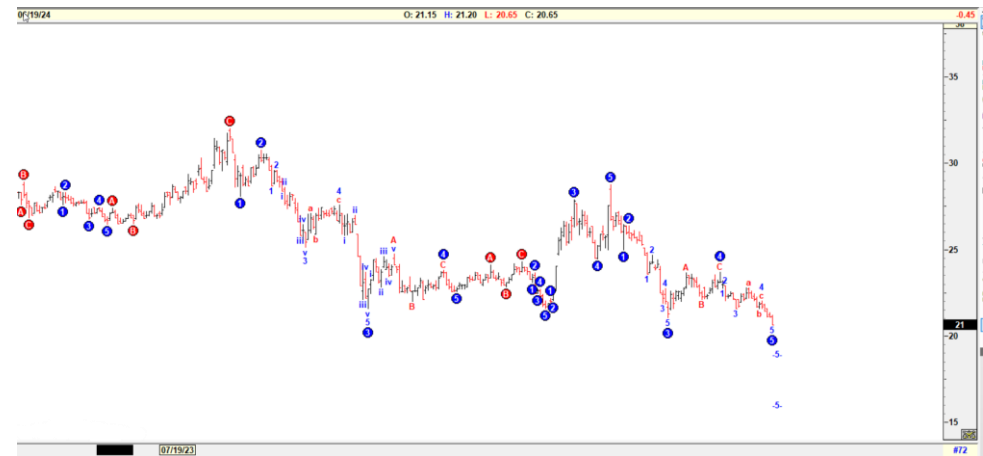
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 06 mã cho tín hiệu mua, 05 mã cho tín hiệu bán, 19 mã cho tín hiệu đi ngang. POW, VPB, SSB, MBB, FPT... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 41.66% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,250 điểm và kháng cự là 1,300 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index



## Biểu đồ kỹ thuật cổ phiếu VRE



## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	540.06	540.18	539.93	YES	543.68	547.56	551.18	555.06	536.18	532.56	528.68	525.06
HNXINDEX	243.73	243.81	243.65	YES	244.85	246.13	247.25	248.53	242.45	241.33	240.05	238.93
UPIINDEX	98.13	98.02	98.25	NO	98.66	98.95	99.48	99.77	97.84	97.31	97.02	96.49
VN30	1311.4	1309.99	1312.81	NO	1322.13	1330.04	1340.77	1348.68	1303.49	1292.76	1284.85	1274.12
VNINDEX	1278.2	1277.4	1278.99	YES	1285.73	1291.68	1299.21	1305.16	1272.25	1264.72	1258.77	1251.24
VNXALL	2123.56	2121.77	2125.35	YES	2137.83	2148.51	2162.78	2173.46	2112.88	2098.61	2087.93	2073.66
VN30F1M	1313.83	1312.25	1315.42	NO	1328.97	1340.93	1356.07	1368.03	1301.87	1286.73	1274.77	1259.63
VN30F1Q	1314.47	1312.55	1316.38	NO	1326.83	1335.37	1347.73	1356.27	1305.93	1293.57	1285.03	1272.67
VN30F2M	1313.43	1311.9	1314.97	NO	1327.07	1337.63	1351.27	1361.83	1302.87	1289.23	1278.67	1265.03
VN30F2Q	1320.27	1321	1319.53	YES	1338.53	1358.27	1376.53	1396.27	1300.53	1282.27	1262.53	1244.27
BCM	62.4	62.25	62.55	NO	63	63.3	63.9	64.2	62.1	61.5	61.2	60.6
ACB	24.53	24.48	24.59	NO	24.82	24.98	25.27	25.43	24.37	24.08	23.92	23.63
BID	46.25	46.32	46.18	NO	46.65	47.2	47.6	48.15	45.7	45.3	44.75	44.35
BVH	45.67	45.6	45.73	NO	46.13	46.47	46.93	47.27	45.33	44.87	44.53	44.07
CTG	32.33	32.25	32.42	NO	32.72	32.93	33.32	33.53	32.12	31.73	31.52	31.13
FPT	130.3	129.7	130.9	NO	134	136.5	140.2	142.7	127.8	124.1	121.6	117.9
GAS	78.3	78.35	78.25	YES	78.7	79.2	79.6	80.1	77.8	77.4	76.9	76.5
GVR	33.67	33.7	33.63	YES	33.93	34.27	34.53	34.87	33.33	33.07	32.73	32.47
HDB	23.58	23.52	23.64	NO	23.87	24.03	24.32	24.48	23.42	23.13	22.97	22.68
HPG	29.38	29.4	29.37	YES	29.52	29.68	29.82	29.98	29.22	29.08	28.92	28.78
MBB	23.27	23.25	23.28	YES	23.48	23.67	23.88	24.07	23.08	22.87	22.68	22.47
MSN	75.73	75.8	75.67	YES	76.57	77.53	78.37	79.33	74.77	73.93	72.97	72.13
MWG	62.87	62.65	63.08	NO	64.13	64.97	66.23	67.07	62.03	60.77	59.93	58.67
PLX	41.18	41.03	41.34	NO	41.82	42.13	42.77	43.08	40.87	40.23	39.92	39.28
POW	15.1	15.17	15.02	NO	15.25	15.55	15.7	16	14.8	14.65	14.35	14.2
SAB	62.57	62.85	62.28	NO	63.33	64.67	65.43	66.77	61.23	60.47	59.13	58.37
SHB	11.6	11.6	11.6	YES	11.7	11.8	11.9	12	11.5	11.4	11.3	11.2
SSB	22.9	22.9	22.9	YES	23.1	23.3	23.5	23.7	22.7	22.5	22.3	22.1
SSI	36.1	36.05	36.15	NO	36.4	36.6	36.9	37.1	35.9	35.6	35.4	35.1
STB	30.85	30.83	30.88	YES	31.25	31.6	32	32.35	30.5	30.1	29.75	29.35
TCB	48.48	48.58	48.39	NO	48.82	49.33	49.67	50.18	47.97	47.63	47.12	46.78
TPB	18.57	18.58	18.56	YES	18.73	18.92	19.08	19.27	18.38	18.22	18.03	17.87
VCB	86.87	87	86.73	NO	87.23	87.87	88.23	88.87	86.23	85.87	85.23	84.87
VHM	38.03	38.05	38.02	YES	38.32	38.63	38.92	39.23	37.72	37.43	37.12	36.83
VIB	22.05	22.08	22.03	NO	22.2	22.4	22.55	22.75	21.85	21.7	21.5	21.35
VJC	103.37	103.4	103.33	YES	104.73	106.17	107.53	108.97	101.93	100.57	99.13	97.77
VIC	41.8	41.95	41.65	NO	42.15	42.8	43.15	43.8	41.15	40.8	40.15	39.8
VPB	18.87	18.8	18.93	NO	19.33	19.67	20.13	20.47	18.53	18.07	17.73	17.27
VNM	65.47	65.55	65.38	NO	65.83	66.37	66.73	67.27	64.93	64.57	64.03	63.67
VRE	20.83	20.92	20.74	NO	21.02	21.38	21.57	21.93	20.47	20.28	19.92	19.73

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HAG	27,674,400	11,927,760	232	-5.88
HHS	10,378,500	3,212,580	323	6.88
OIL	4,703,900	1,732,620	271	7.08
VHC	4,324,300	1,241,380	348	-1.17
<b>CTD</b>	<b>3,995,400</b>	<b>1,351,320</b>	<b>295.67</b>	<b>3.81</b>
CMX	3,656,200	1,045,710	350	6.77
FUEVFNVD	3,455,400	1,723,420	201	0.67
<b>TNH</b>	<b>2,075,900</b>	<b>882,920</b>	<b>235.12</b>	<b>1.48</b>
BFC	1,888,800	603,370	313	6.9
E1VFN30	1,503,300	577,600	260	0.13
<b>VHG</b>	<b>1,473,600</b>	<b>580,440</b>	<b>253.88</b>	<b>0</b>
AMS	873,500	193,650	451	6.19
PSB	766,400	187,470	409	11.69
TEG	763,600	197,080	387	6.82
DC4	690,300	219,420	315	6.93
<b>ICT</b>	<b>599,100</b>	<b>178,660</b>	<b>335.33</b>	<b>6.99</b>
VCP	496,000	194,340	255	13.66
PSW	379,600	51,450	738	9.3
GKM	362,000	161,570	224	2.65
PSP	307,900	16,220	1,898	0
<b>CST</b>	<b>241,400</b>	<b>93,180</b>	<b>259.07</b>	<b>2.54</b>
NXT	239,300	108,610	220	3.66
SJE	196,300	71,690	274	4.65
DHA	183,800	86,180	213	1.32
CMT	166,200	33,890	490	12.76
<b>TDS</b>	<b>160,200</b>	<b>29,400</b>	<b>544.9</b>	<b>14.39</b>
ACL	147,100	57,680	255	2.33
TID	141,200	67,470	209	8
BCE	133,700	58,730	228	-0.66
VDP	111,200	50,610	220	6.96
TLP	110,300	4,930	2,237	5.88
IMP	80,500	34,890	231	2.57
GEE	76,600	17,940	427	5.44
SJG	71,500	6,560	1,090	14.81
KSV	68,600	15,050	456	9.92
HMC	66,600	18,980	351	0.4
SBB	62,400	7,800	800	0.69
VNF	60,900	15,350	397	9.26
VCM	58,800	420	14,000	0
VSN	51,500	810	6,358	14.76

- Lưu ý: HAG, HHS...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
12-Jun	VIX	Mua	≤ 19.5	10% -20%	Cổ phiếu xóa mô hình giảm giá và quay trở lại mô hình tăng giá
12-Jun	VCB	Mua	≤ 89.5	10% -20%	Phân kỳ cảnh báo sự đảo chiều/Mô hình hai đáy
12-Jun	VPB	Mua	≤ 20	10% -20%	Cổ phiếu Break out nền giá

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;
- Chỉ số cần giữ vững mốc 1,250 điểm trong tuần này để tránh rơi vào mô hình tiêu cực.
- Các nhà đầu tư nên để các lệnh Trailing Stop với các mã cổ phiếu đã về tài khoản;

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 18/06, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.259 VND/USD, không thay đổi so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.450 VND/USD, giảm nhẹ 04 đồng so với phiên 17/06. Tỷ giá trên thị trường tự do đi ngang ở chiều mua vào trong khi tăng 30 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.750 VND/USD và 25.850 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 18/06, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,01 - 0,14 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần; cụ thể: ON 4,26%; 1W 4,44%; 2W 4,66% và 1M 4,89%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn ON trong khi giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn còn lại, giao dịch tại: ON 5,29%; 1W 5,33%; 2W 5,39%, 1M 5,41%. Lãi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động trái chiều; chốt phiên ở mức: 3Y 1,90%; 5Y 1,97%; 7Y 2,29%; 10Y 2,80%; 15Y 2,98%.
- Nghị quyết thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,5%. Không có khối lượng trúng thầu, có 1.529,89 tỷ đồng đảo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 5.150 tỷ đồng trúng thầu với lãi suất giữ ở mức 4,25%, có 500 tỷ đồng tín phiếu đảo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 6.179,89 tỷ đồng từ thị trường, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường ở mức 75.210 tỷ đồng, khối lượng trên kênh cầm cố ở mức 2.682,38 tỷ đồng.

## Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

# BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



## Tình hình xuất khẩu phân bón

**SẢN LƯỢNG XUẤT KHẨU** ■ Nghìn tấn ◊ % YoY

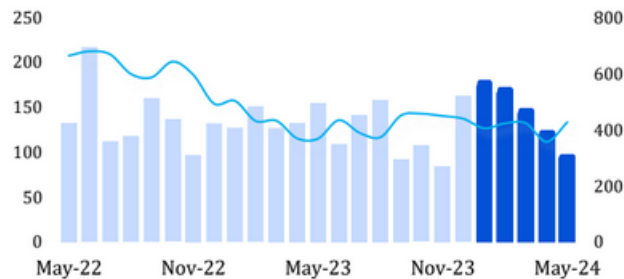


**GIÁ XUẤT KHẨU BÌNH QUÂN** ■ USD/ tấn ◊ % YoY



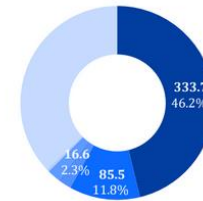
## SẢN LƯỢNG & GIÁ XUẤT KHẨU

■ Nghìn tấn — USD/tấn

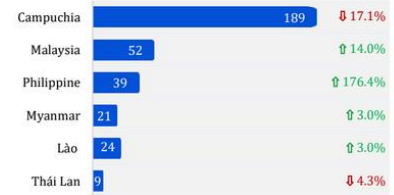


## Tình hình xuất khẩu phân bón (Tt)

**THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU 5T-2024**



**XUẤT KHẨU PHÂN BÓN SANG ASEAN**



	Sản lượng XK 5T-24		Sản lượng XK T5-24		
	Nghìn tấn	%YoY	Nghìn tấn	%YoY	%MoM
ASEAN	333.7	-2.0%	60.4	-39.9%	-11.3%
Hàn Quốc	85.5	78.7%	2.1	2022.0%	-85.6%
Nhật Bản	16.6	474.3%	1.5	587.3%	26.5%
Đài Loan	15.5	331.6%	0.9	-24.6%	-23.9%
Mozambique	2.9	0.0%	1.5	0.0%	180.0%
Khác	267.8	-10.1%	30.8	-41.9%	-18.9%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>721.9</b>	<b>4.3%</b>	<b>97.3</b>	<b>-37.3%</b>	<b>-21.4%</b>

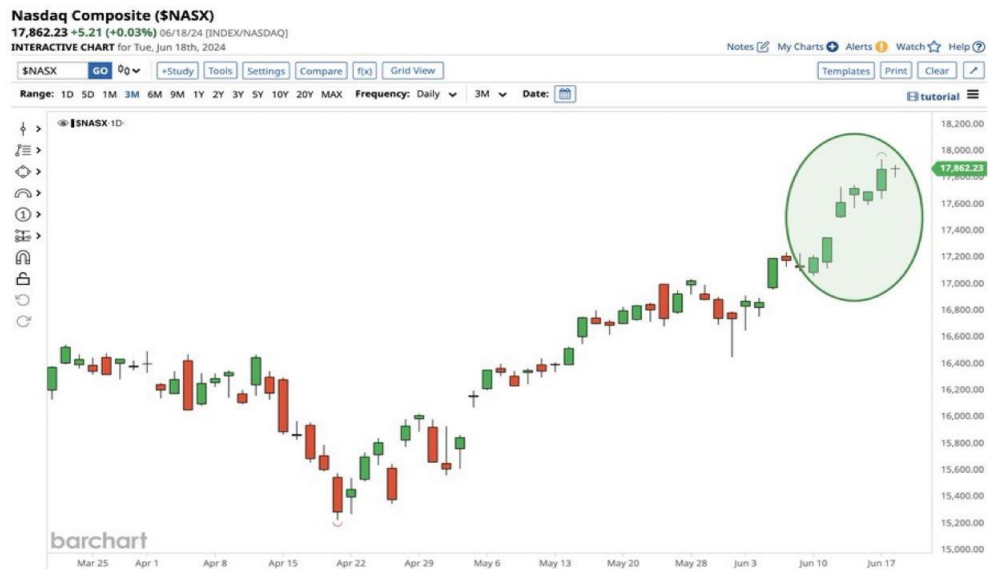
Thị trường (Đvt)	Sản lượng T05-2024		
	Nghìn tấn	%YoY	%MoM
Campuchia	42.8	-43.8%	1.3%
Malaysia	6.9	-8.3%	-46.4%
Philippine	0.5	-87.6%	-17.8%
Myanmar	0.1	-96.8%	-97.1%
Lào	9.1	26.3%	37.4%
Thái Lan	1.0	-56.2%	-52.4%
<b>ASEAN</b>	<b>60.4</b>	<b>-39.9%</b>	<b>-11.3%</b>



### AAPL thiết lập mặt bằng giá giao dịch mới – Tín hiệu tích cực



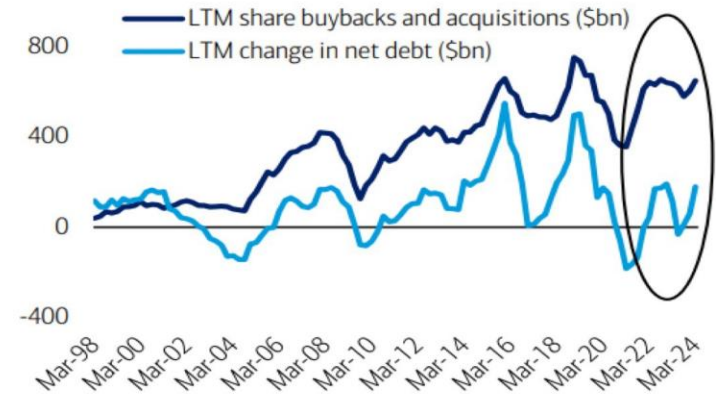
### Nasdaq có chuỗi tăng giá 7 phiên liên tiếp – Chuỗi tăng dài nhất năm



### Mua lại cổ phiếu tương đương với năm 2019 nhưng mức nợ ròng thấp hơn

#### Exhibit 3: Funding share buybacks and M&A with earnings

The spending on share buybacks and M&A is currently near 2019 levels, while the increase in net debt is much lower.



Note: excluding large Tech issuers: AAPL, AMZN, GOOGL, META, MSFT, NVDA.

Source: BofA Global Research

BofA GLOBAL RESEARCH

### Độ rộng thị trường vẫn chưa ủng hộ xu hướng tăng giá mạnh mẽ



**Kết luận:** Dự báo các chỉ số sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.

(\*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



## CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)

Mở tài khoản ngay

